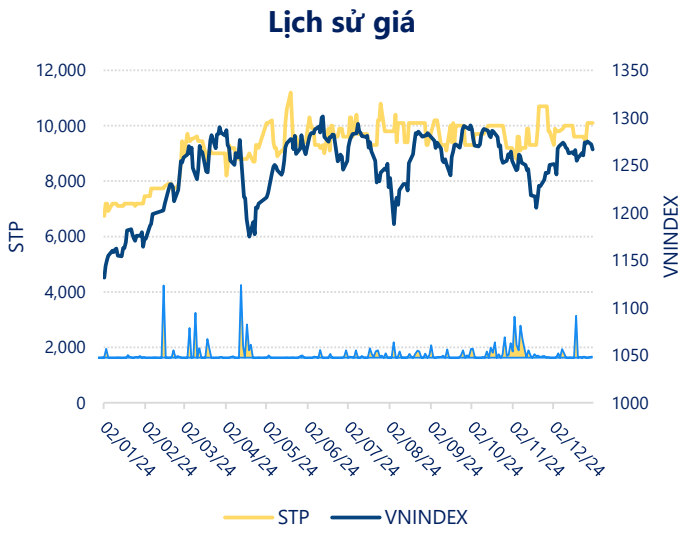
CTCP Công nghiệp Thương mại Sông Đà (HNX: STP)

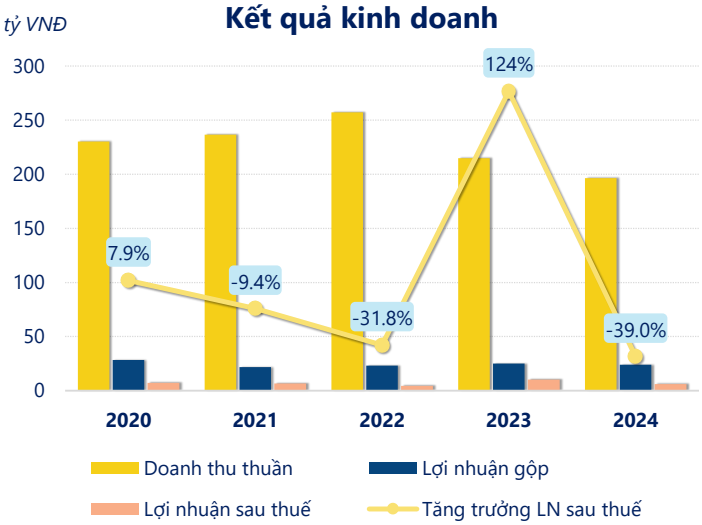
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	10,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.1%	4.1%	-2.9%

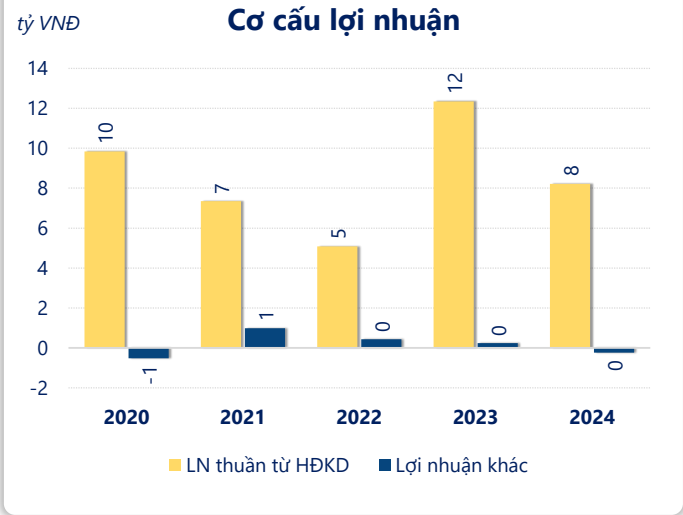
	2024	YoY
DT thuần	197 *tỷ VNĐ*	▼ 18.0 ▼ 8.6%
LN gộp	24.0 *tỷ VNĐ*	▼ 0.90 ▼ 3.9%
LN thuần	8.22 *tỷ VNĐ*	▼ 4.08 ▼ 33.4%
LN sau thuế	6.17 *tỷ VNĐ*	▼ 3.93 ▼ 39.0%
ROE	4.3%	+/- YoY ▼ 2.8%
ROA	3.5%	+/- YoY ▼ 2.0%

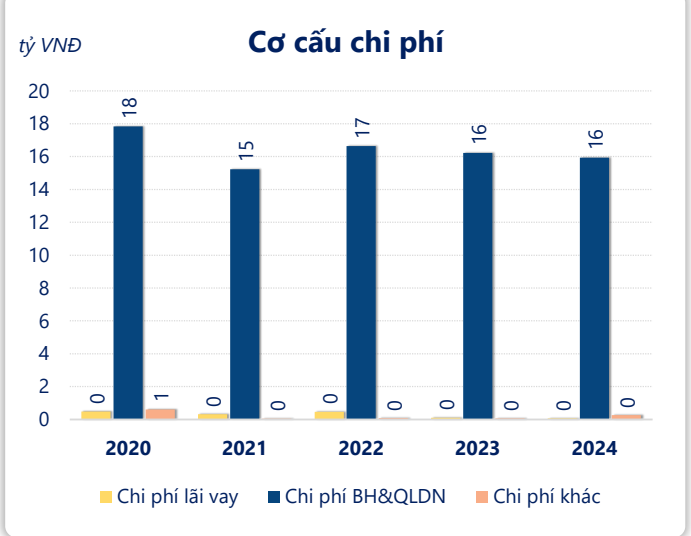




Kết quả kinh doanh **STP** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **196.5** tỷ đồng **giảm 8.57%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 39.0%** chỉ còn **6.17** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **4.33%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

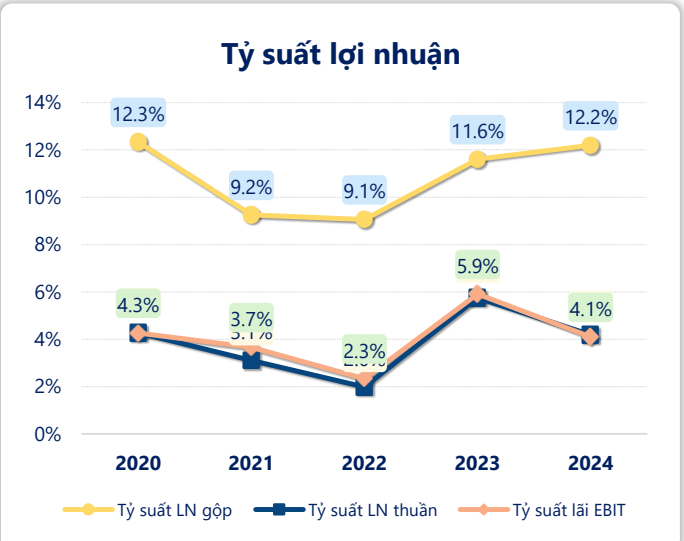


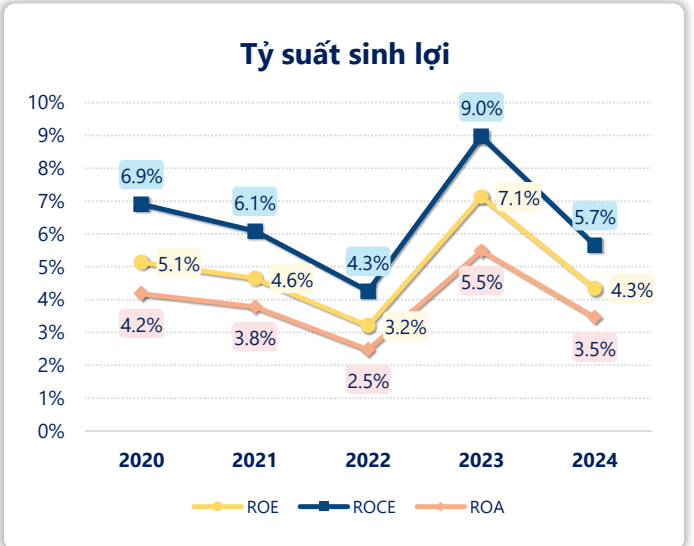


Năm **2024**, **STP** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **8.22** tỷ đồng, **giảm đi 4.13** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (8.57 tỷ đồng) là 0.35 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

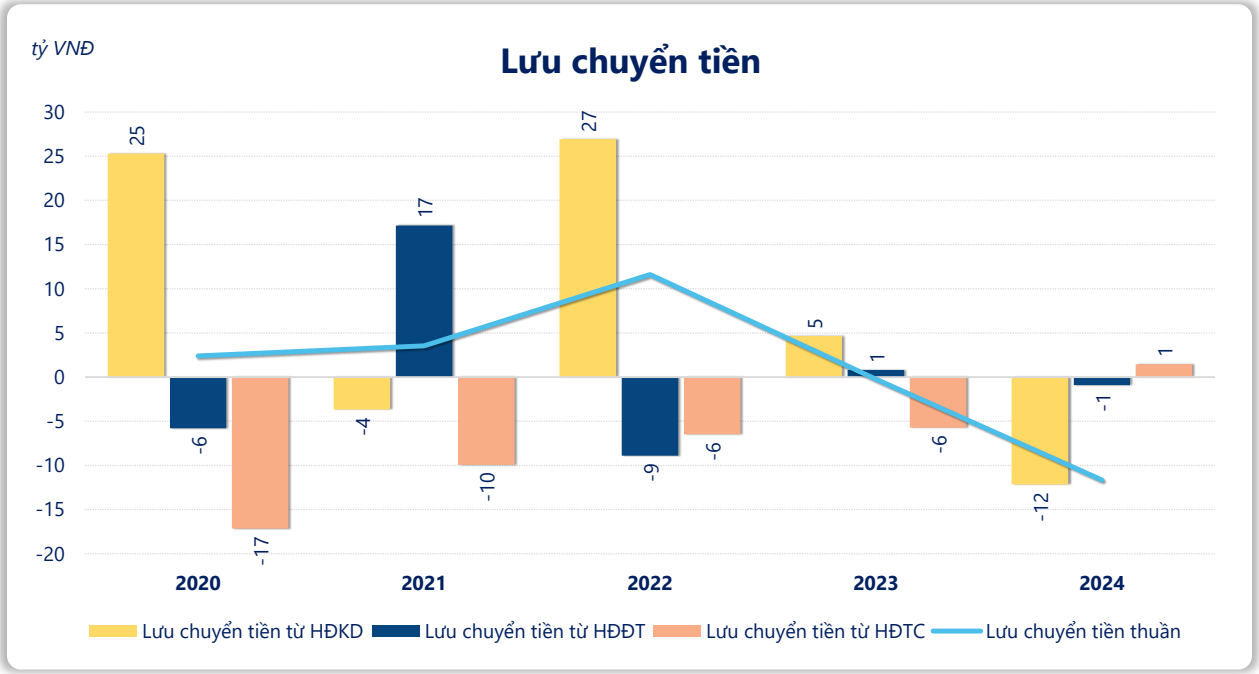
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.06** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **15.94** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.27** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của STP năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **4.33%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**230**	**236**	**257**	**215**	**197**
Giá vốn hàng bán	202	215	234	190	173
Lợi nhuận gộp	**28.4**	**21.9**	**23.3**	**24.9**	**24.0**
Doanh thu HĐTC	0.89	1.83	2.65	2.21	1.42
Chi phí TC	1.59	1.11	4.20	-1.43	1.22
Chi phí lãi vay	**0.49**	**0.32**	**0.47**	**0.11**	**0.06**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.85	3.87	4.35	4.04	4.20
Chi phí QLDN	14.0	11.4	12.3	12.2	11.7
LN thuần từ HĐKD	**9.84**	**7.35**	**5.09**	**12.3**	**8.22**
Lợi nhuận khác	-0.52	0.99	0.44	0.24	-0.23
LN trước thuế	**9.33**	**8.34**	**5.53**	**12.6**	**7.99**
Lợi nhuận sau thuế	**7.29**	**6.60**	**4.50**	**10.1**	**6.17**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.29**	**6.60**	**4.50**	**10.1**	**6.17**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của STP bằng **-11.65** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (-0.25 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-12.17** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.91** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **1.43** tỷ đồng.